

## PHỤ LỤC V

### KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

(Kèm theo Quy định số 3408/QyĐ-BQP ngày 06/10/2022 của Bộ Quốc phòng)

**Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm(tháng) Quý.../202...**

Số liệu tính từ ngày .../.../....đến....ngày.../.../....

(Kèm theo Báo cáo số: ...../BC-... ngày.../.../202...của.....)

**Biểu số: 01/PCTN, TC**

#### Tổng hợp kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

| MS         | NỘI DUNG                                                                                                                      | ĐVT         | KẾT QUẢ |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>                                                                                                  |             |         |
| 1          | Số văn về PCTN, tiêu cực hoặc có liên quan đến PCTN, tiêu cực đã tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành                  | Văn bản     |         |
| 2          | Số văn về PCTN, tiêu cực hoặc có liên quan đến PCTN, tiêu cực đã được xây dựng, ban hành theo thẩm quyền                      | Văn bản     |         |
| 3          | Số kiến nghị, khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật, tổ chức thực hiện                                         | Văn bản     |         |
| <b>II</b>  | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>                                                                     |             |         |
| 4          | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN, tiêu cực được tổ chức                                                      | Lớp         |         |
| 5          | Số lượt cán bộ, QNCN, CNVCQP, CS tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN, tiêu cực                            | Lượt người  |         |
| 6          | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN, tiêu cực được biên soạn phát hành                                              | Tài liệu    |         |
| <b>III</b> | <b>THỰC HIỆN GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</b>                                              |             |         |
| 7          | Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | Cuộc/CQ, ĐV |         |

|    |                                                                                                                                                                      |             |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
| 8  | Số cơ quan, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động                                                                  | CQ, ĐV      |  |
| 9  | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới                                                                                                      | Văn bản     |  |
| 10 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp                                                                                      | Văn bản     |  |
| 11 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được bãi bỏ                                                                                                            | Văn bản     |  |
| 12 | Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                             | Cuộc/CQ, ĐV |  |
| 13 | Số cơ quan, đơn vị vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                                                                                              | CQ, ĐV      |  |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Trong đó:                                                                                             | Người       |  |
|    | - Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật                                                                                  | Người       |  |
|    | - Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự                                                                                  | Người       |  |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng  |  |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường                                                                                      | Triệu đồng  |  |
| 17 | Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử                                                                                      | Cuộc/CQ, ĐV |  |
| 18 | Số người vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp                                                                                                         | Người       |  |
| 19 | Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng                                                                                                     | CQ, ĐV      |  |
| 20 | Số người vi phạm đã nộp lại quà tặng cho đơn vị                                                                                                                      | Người       |  |
| 21 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                                                              | Triệu đồng  |  |
| 22 | Số người bị xử lý đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có vi phạm vì xung đột lợi ích                                                | Người       |  |
| 23 | Số người bị chuyển sang vị trí công tác khác do có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao                                                      | Người       |  |

|           |                                                                                                                                            |             |  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
| 24        | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ                           | Người       |  |
| 25        | Số người được chuyển đổi vị trí công tác/số người phải chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                               | Người       |  |
| 26        | Số người đã kê khai/số người phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ                                                             | Người       |  |
| 27        | Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được công khai                                                                                         | Bản         |  |
| 28        | Số cuộc kiểm tra/ số cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập      | Cuộc/CQ, ĐV |  |
| 29        | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập                                                                                      | Người       |  |
| 30        | Số người bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực                                                                            | Người       |  |
| 31        | Số người bị kết luận có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập                                                                        | Người       |  |
| 32        | Số cơ quan, đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính                                                                                 | CQ, ĐV      |  |
| 33        | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc                                               | %           |  |
| 34        | Số vụ vi phạm/số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                                                    | Vụ/cuộc     |  |
| <b>IV</b> | <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</b>                                                                    |             |  |
| 35        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị                               | Vụ/người    |  |
| 36        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị chuyển cơ quan điều tra xử lý | Vụ/người    |  |
| 37        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng                               | Vụ/người    |  |
| 38        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng chuyển cơ quan điều tra xử lý | Vụ/người    |  |
| 39        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua hoạt động thanh tra                                                        | Vụ/người    |  |
| 40        | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua hoạt động thanh tra chuyển cơ quan điều tra xử lý                          | Vụ/người    |  |

|          |                                                                                                                                                               |           |  |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 41       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán                                                                           | Vụ/người  |  |
| 42       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán chuyển cơ quan điều tra xử lý                                             | Vụ/người  |  |
| 43       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                  | Vụ/người  |  |
| 44       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo chuyển cơ quan điều tra xử lý                                    | Vụ/người  |  |
| 45       | Số vụ án/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện qua hoạt động nghiệp vụ của Cơ quan điều tra hình sự Quân đội                                             | Vụ/người  |  |
| 46       | Số vụ việc/số người có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực                                                                                      | Vụ/người  |  |
| 47       | Số vụ việc/số người có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực đã được xem xét                                                                      | Vụ/người  |  |
| 48       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực                               | Vụ/người  |  |
| 49       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực chuyển cơ quan điều tra xử lý | Vụ/người  |  |
| 50       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua các hoạt động khác                                                                            | Vụ/người  |  |
| 51       | Số vụ việc/số người tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện thông qua các hoạt động khác chuyển cơ quan điều tra xử lý                                              | Vụ/người  |  |
| 52       | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Trong đó:              | Người     |  |
|          | - Số người bị xử lý kỷ luật                                                                                                                                   | Người     |  |
|          | - Số người bị xử lý hình sự                                                                                                                                   | Người     |  |
| <b>V</b> | <b>XỬ LÝ THAM NHƯNG, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</b>                                                                                                       |           |  |
| 53       | Số vụ/người tham nhũng, tiêu cực bị xử lý kỷ luật                                                                                                             | Vụ/người  |  |
| 54       | Số vụ án/ bị can đã bị khởi tố đã bị khởi tố về các tội tham nhũng, tiêu cực                                                                                  | Vụ/bị can |  |

|    |                                                                                      |           |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 55 | Số vụ án/bị can tham nhũng, tiêu cực do Cơ quan điều tra đình chỉ, tạm đình chỉ      | Vụ/bị can |  |
| 56 | Số vụ án/bị can tham nhũng, tiêu cực kết thúc điều tra, đề nghị truy tố              | Vụ/bị can |  |
| 57 | Số vụ án/bị can đã bị truy tố về các tội tham nhũng, tiêu cực                        | Vụ/bị can |  |
| 58 | Số vụ án/bị can tham nhũng, tiêu cực do Viện kiểm sát quân sự đình chỉ, tạm đình chỉ | Vụ/bị can |  |
| 59 | Số vụ án/bị cáo tham nhũng, tiêu cực đã bị xét xử sơ thẩm                            | Vụ/bị can |  |
| 60 | Số đối tượng phạm tội bị kết án tham nhũng, tiêu cực, trong đó:                      | Người     |  |
|    | - Số đối tượng phạm tội bị kết án tham nhũng, tiêu cực ít nghiêm trọng               | Người     |  |
|    | - Số đối tượng phạm tội bị kết án tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng                  | Người     |  |
|    | - Số đối tượng phạm tội bị kết án tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng              | Người     |  |
|    | - Số đối tượng phạm tội bị kết án tham nhũng, tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng         | Người     |  |
| 61 | Mức án, trong đó:                                                                    |           |  |
|    | - Tử hình                                                                            | Người     |  |
|    | - Chung thân                                                                         | Người     |  |
|    | - Từ 10 năm đến 30 năm tù                                                            | Người     |  |
|    | - Dưới 10 năm tù                                                                     | Người     |  |
|    | - Án treo, cải tạo không giam giữ                                                    | Người     |  |
|    | - Hình phạt khác                                                                     | Người     |  |
| 62 | Số vụ án/ bị cáo đã bị xét xử phúc thẩm về các tội danh tham nhũng, tiêu cực         | Vụ        |  |
| 63 | Mức án, trong đó:                                                                    |           |  |
|    | - Tử hình                                                                            | Người     |  |
|    | - Chung thân                                                                         | Người     |  |
|    | - Từ 10 năm đến 30 năm                                                               | Người     |  |
|    | - Dưới 10 năm                                                                        | Người     |  |
|    | - Án treo, cải tạo không giam giữ                                                    | Người     |  |

|    |                                                                                                                 |                      |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|
|    | - Hình phạt khác                                                                                                | Người                |  |
| 64 | Diện đối tượng tham nhũng được xử lý, trong đó:                                                                 |                      |  |
|    | - Đảng viên                                                                                                     | Người                |  |
|    | - Không đảng viên                                                                                               | Người                |  |
|    | - Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý                                                            | Người                |  |
|    | - Cán bộ thuộc diện Quân ủy Trung ương quản lý                                                                  | Người                |  |
|    | - Cán bộ thuộc diện cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng... trực thuộc BQP quản lý                               | Người                |  |
| 65 | Lĩnh vực xảy ra tham nhũng                                                                                      |                      |  |
|    | - Quản lý tài chính công                                                                                        | Vụ                   |  |
|    | - Hoạt động ngân hàng                                                                                           | Vụ                   |  |
|    | - Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công                                                                        | Vụ                   |  |
|    | - Cổ phần hóa doanh nghiệp                                                                                      | Vụ                   |  |
|    | - Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản                                                              | Vụ                   |  |
|    | - Đầu tư, xây dựng cơ bản                                                                                       | Vụ                   |  |
|    | - Đấu thầu                                                                                                      | Vụ                   |  |
|    | - Công tác cán bộ                                                                                               | Người                |  |
|    | - Lĩnh vực khác                                                                                                 | Người                |  |
| 66 | Số vụ án/bị cáo tham nhũng, tiêu cực do Tòa án quân sự đình chỉ, tạm đình chỉ                                   | Người                |  |
| 67 | Số vụ việc/đối tượng tham nhũng, tiêu cực đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ                   |  |
| 68 | Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, tiêu cực                                          | Triệu đồng           |  |
|    | - Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                              | Triệu đồng           |  |
|    | - Đất đai                                                                                                       | Ha (m <sup>2</sup> ) |  |
| 69 | Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng đã được thu hồi                                    | Triệu đồng           |  |
|    | - Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                              | Triệu đồng           |  |
|    | - Đất đai                                                                                                       | Ha (m <sup>2</sup> ) |  |

|    |                                                                                                          |                      |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|
| 70 | Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng chưa thu hồi được                           | Triệu đồng           |  |
|    | - Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)                       | Triệu đồng           |  |
|    | - Đất đai                                                                                                | Ha (m <sup>2</sup> ) |  |
| 71 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực đã bị trả thù                                               | Người                |  |
| 72 | Số người có thành tích trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được khen, thưởng, trong đó:           | Người                |  |
|    | - Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ                                                                 | Người                |  |
|    | - Tặng Bằng khen của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng | Người                |  |
|    | - Tặng giấy khen của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng                                            | Người                |  |
| 73 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo      | Người                |  |
| 74 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực bị trả thù                                                  | Người                |  |
| 75 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo                                                  | Người                |  |

**\* Hướng dẫn cách ghi biểu:**

Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu; không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.